TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HN-ST
Ngày: 04/02/2026
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Nhàn**

Bà **Võ Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Phùng Anh Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Qúi** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở chính Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 775a/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Huỳnh T,** sinh ngày 23/7/1978.

Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bị đơn: **Châu Thị Thanh T,** sinh ngày 22/8/1988.

Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp

(Anh Thái xin vắng mặt, chị Thủy vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai anh Thái trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện G, Tiền Giang ngày 27/2/2012. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến tháng 12 năm 2023 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên cãi nhau, tháng 01 năm 2025 anh phát hiện chị T có người đàn ông khác và dọn đồ đạc sống chung với người đàn ông đó nên anh chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không còn muốn quay lại tiếp tục chung sống với nhau nữa.

Nay, anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 08/10/2012 hiện đang sống chung với tôi. Ly hôn, anh yêu cầu nuôi cháu Vy, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có

* Bị đơn chị Châu Thị Thanh T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T và chị T. Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 08/10/2012. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Huỳnh T và chị Châu Thị Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11/2012 ngày 27/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh T có đơn xin không tiến hành các phiên hòa giải; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Bị đơn chị Châu Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về nội dung:

Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn anh T trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên nhân do chị V và anh bất đồng quan điểm nên cãi nhau, tháng 01 năm 2025 anh phát hiện chị T có người đàn ông khác và chị dọn đồ đạc để chung sống với người đàn ông đó nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân anh T trình bày ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục

được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời chị T đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện chị T không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 08/10/2012. Xét yêu cầu nuôi con của anh T là có cơ sở bởi cháu Vy đang sống với anh T đã ổn định về tâm lý, chỗ ở và phù hợp với nguyện vọng của cháu V. Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: *Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Huỳnh T.*

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Huỳnh T được ly hôn với chị Châu Thị Thanh T.

- Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 08/10/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Huỳnh T chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0003289 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T, chị T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Ñöông söï;
- UBND xã V, ĐT;
- Löu hoà sô.

Phan Thanh Bình